TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7 - 2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thanh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Ngọc Anh.
Bà Lâm Thị Kim Xuyến.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 22/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Nhà số 232, ấp G, xã B, huyện M, tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hoài T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Vào năm 2013 bà với ông T tìm hiểu, thương yêu nhau và tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1. Hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 3 tháng đầu khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và lạnh nhạt nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà với ông T đã sống ly thân 7 năm nên không còn điều kiện để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian bà D, ông T chung sống mới 3 tháng không có con nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 23/TB-TLVA ngày 20/4/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 13/TB-TA ngày 20/4/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 35/TB-TA ngày 18/5/2020 đã tống đạt hợp lệ cho ông T theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Nhà số 232, ấp G, xã B, huyện M, tỉnh L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Hoài T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi có Quyết định hoãn phiên tòa đã tống đạt hợp lệ cho ông T theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T không có mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Ngọc D với ông Lê Hoài T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ ký giải quyết là phù hợp với với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Lê Hoài T, không còn điều kiện để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà D với ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân 7 năm. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian bà D, ông T chung sống mới 3 tháng không có con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông Lê Hoài T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu tiền án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a 1hoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với ông Lê Hoài T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007474 ngày 16/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà D báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Lê Hoài T được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Phường 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út